TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2025/QĐST- HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 02 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Hứa Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Trước đây là Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là Ấp D, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Trước đây là Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là Ấp D, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1939
2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1977
3. Ông Trần Văn S, sinh năm 1981
4. Bà Trần Thị Út N, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Trước đây là Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là Ấp D, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Hứa Thị T và ông Nguyễn Văn T thống nhất chia đôi tài sản chung là thửa đất 533, tờ bản đồ số 31, diện tích 162,6m^2 và phần đất diện tích 38,9m^2

thuộc một phần thửa đất số 2180, tờ bản đồ số 3, diện tích 2194m^2, đất tọa lạc tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, phần đất này cùng với căn nhà gắn liền với diện tích đất nêu trên. Tổng giá trị tài sản chung là 526.522.380 đồng. Bà T hưởng toàn bộ tài sản là hiện vật gồm thửa đất 533, tờ bản đồ số 31, diện tích 162,6m^2 và phần đất diện tích 38,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 2180, tờ bản đồ số 3, diện tích 2194m^2 cùng với căn nhà gắn liền với phần diện tích đất nêu trên (có sơ đồ kèm theo). Bà T có trách nhiệm thanh toán cho ông T ½ giá trị tài sản chung tương đương số tiền là 263.261.190 đồng, ông T tự nguyện giao toàn bộ số tiền 263.261.190 đồng chia tài sản chung nêu trên cho con chung tên Nguyễn Thái D, sinh ngày 19/7/2012 được hưởng, do hiện nay Nguyễn Thái Danh đang còn nhỏ và sống chung với mẹ là bà Hứa Thị T nên ông T giao số tiền nêu trên cho bà T quản lý đến khi nào Nguyễn Thái D trưởng thành thì bà Hứa Thị T giao số tiền trên cho Nguyễn Thái D thụ hưởng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Hứa Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 19/7/2012 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án đã giải thích cho các đương sự biết án phí các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bà Hứa Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.530.448 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004382 ngày 13 tháng 6 năm 2024 và 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009063 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Bà Hứa Thị T còn phải nộp số tiền 7.030.448 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà Hứa Thị T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 6.000.000 đồng. Chi phí thẩm định tại chỗ tài sản đã chi là 2.359.787 đồng. Bà T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 2.359.787 đồng. Số tiền còn lại là 3.640.213 đồng Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè đã hoàn trả xong cho bà Hứa Thị T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12 - Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Chí Công